

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhất

2. Ông Lê Đình Phát

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn TT, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TT, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2022, được bổ sung trong bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 308 ngày 20/4/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do anh Ch thường xuyên rượu chè, cờ bạc, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Ch không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Do không chịu đựng được cuộc sống như vậy, nên cuối năm 2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn QQ, xã DL, huyện LC để ở, kể từ đó đến nay chị và anh Ch ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Về con: Chị và anh Lê Văn Ch có 02 con chung là cháu Lê Văn M, sinh ngày 13/01/2003 và cháu Lê Thị Anh Th, sinh ngày 20/12/2009. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th, không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu M, hiện nay đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập tự nuôi bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải; đề nghị tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị. Với lý do, chị đang làm việc tại tỉnh Bắc Ninh, do tính chất công việc nên chị không xin nghỉ để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Toà án.

Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Lê Văn Ch không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng anh Ch vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Nguyên đơn là chị Lê Thị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải; Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn là anh Lê Văn Ch không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị T và Giấy chứng nhận kết hôn số 308 ngày 20/4/2004 do UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Văn Ch là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị T và anh Ch thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác minh tại thôn Tân Tiến, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, là do anh Ch không tu trí làm ăn lại hay rượu chè say sỉ rồi chửi bới, hành hung vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Ch không thay đổi. Vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết ly hôn anh Ch; anh Ch không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Ch không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn anh Ch.

[6] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị T và bản sao Giấy khai sinh cháu M, cháu Th đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Văn M, sinh ngày 13/01/2003 và cháu Lê Thị Anh Th, sinh ngày 20/12/2009 là con chung của chị T và anh Ch. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị T đối với cháu Th, thấy: Từ khi chị T và anh Ch ly thân đến nay, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Th, cháu vẫn khỏe mạnh và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Mặt khác, cháu Th là con gái đang ở độ tuổi phát triển, hoàn thiện về tâm, sinh lý; cháu Th có nguyện vọng được ở với chị T. Do đó, giao cháu Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Lê Văn M, cháu M đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần, có việc làm và thu nhập tự nuôi sống bản thân; chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn Ch.

Về con: Giao cháu Lê Thị Anh Th, sinh ngày 20/12/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0015652 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Lê Thị T, bị đơn Lê Văn Ch. Chị T, anh Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA